



LIEN MINH
REAL ESTATE CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

230 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10. TP. HCM

Tel: 38 635 888 – Fax: 38 635 566

Email: info@lienminh.com.vn

www.lienminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010

Số: 11.183 /BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Liên Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2010



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



BÙI VĂN BÔNG
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		455.746.407.509	481.562.988.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	5.809.115.539	118.263.000
1. Tiền	111		5.809.115.539	118.263.000
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	19.912.588.651	680.975.000
1. Phải thu khách hàng	131		14.248.845.723	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.672.148.340	432.094.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.991.594.588	248.881.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		402.053.274.987	451.636.226.982
1. Hàng tồn kho	141	(5.3)	402.053.274.987	451.636.226.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.971.428.332	29.127.523.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.455.820.153	3.456.950.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	24.515.608.179	25.670.573.365

(Phần tiếp theo ở trang 3)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.082.283.772	15.468.710.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.188.648.900	3.974.471.748
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	3.138.648.910	3.914.471.756
+ Nguyên giá	222		4.554.055.434	5.095.181.343
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.415.406.524)	(1.180.709.587)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	49.999.990	59.999.992
+ Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.010)	(40.000.008)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	395.000.613	806.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		604.940.613	1.126.881.227
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(209.940.000)	(320.881.227)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.498.634.259	10.688.238.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	9.498.634.259	10.688.238.597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		468.828.691.281	497.031.699.002

(Phần tiếp theo ở trang 4)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		344.826.365.663	390.808.823.365
I. Nợ ngắn hạn	310		299.706.365.663	345.688.823.365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	101.999.000.000	100.499.000.000
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	117.430.600.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	10.508.674.074	735.828.283
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	69.768.091.589	244.453.995.082
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.120.000.000	45.120.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.13)	45.100.000.000	45.100.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.002.325.619	106.222.875.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	124.002.325.619	106.222.875.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.002.325.619	2.222.875.637
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		468.828.691.281	497.031.699.002

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

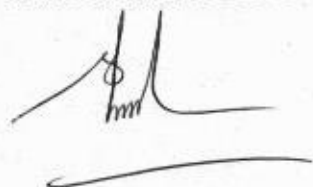
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ + USD		230,83	230,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ KIÊM



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		83.471.645.600	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	83.471.645.600	-
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	58.602.842.168	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.868.803.432	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.836.968	29.303.555
7. Chi phí tài chính	22		53.395.639	-
trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.460.355.218	626.229.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.360.889.543	(596.926.018)
11. Thu nhập khác	31	(6.3)	842.788.722	1.956.337.875
12. Chi phí khác	32		343.080.888	-
13. Lợi nhuận khác	40		499.707.834	1.956.337.875
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.860.597.377	1.359.411.857
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.4)	6.037.032.396	237.897.075
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.823.564.982	1.121.514.782
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		1.782	112

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ KIÊM



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.860.597.377	1.359.411.857
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao tài sản cố định	02		442.741.960	450.763.964
Các khoản dự phòng	03		(110.941.227)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.392.444)	(29.303.555)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.166.005.666	1.780.872.266
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.075.518.308)	(1.032.579.594)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		56.961.110.094	(21.109.353.039)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53.519.490.098)	270.517.387
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.189.604.338	(2.259.943.168)
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.378.158.099)	(5.709.228.843)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	29.900.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(44.115.000)	(6.257.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		3.299.438.593	(28.036.072.683)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(78.035.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		521.940.614	(3.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.836.968	29.303.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		891.413.946	(51.731.445)

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.500.000.000	23.181.843.057
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.500.000.000	22.681.843.057
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		5.690.852.539	(5.405.961.071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		118.263.000	6.465.606.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		5.809.115.539	1.059.645.772

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG**NGUYỄN THỊ KIÊM****TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**